CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước

Ngày 30/06/2025	22,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**7.3%**	**69.2%**

DT thuần
Q2/25
23.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.50| 11.8%
YoY: ▲ 44.8| 214%

LN thuần
Q2/25
7.45
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.08| -21.9%
YoY: ▼13.5| -64.4%

LN sau thuế
Q2/25
6.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.63| 10.3%
YoY: ▼15.2| -69.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
35.5%
YoY: +/-▼ 0.4%

ROE (TTM)
Q2/25
10.6%
YoY: +/-▼ 4.2%

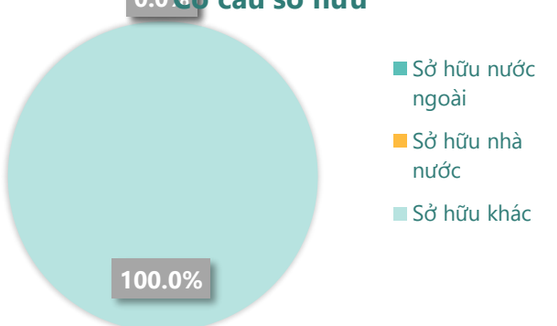
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,000 - 23,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,320
Số lượng CPLH (CP)	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,010
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.57
EPS	736
P/E	29.9

DT thuần
6T 2025
45.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 47.4| 2406%

LN thuần
6T 2025
17.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.3| -40.0%

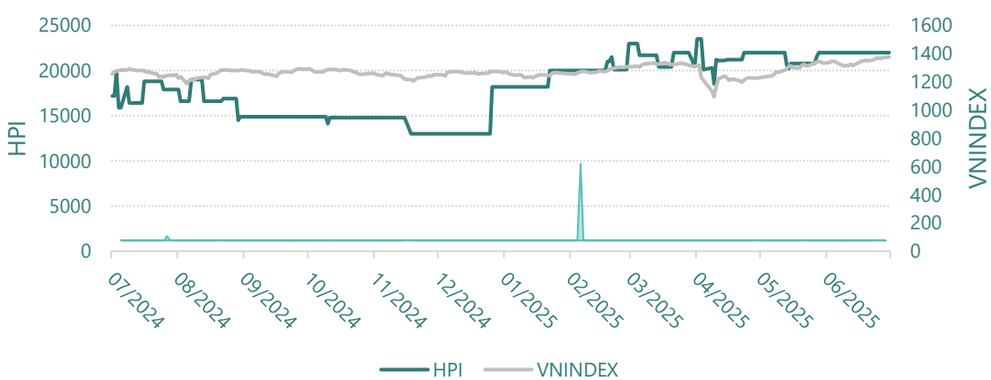
LN sau thuế
6T 2025
13.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.5| -55.9%

Cơ cấu sở hữu

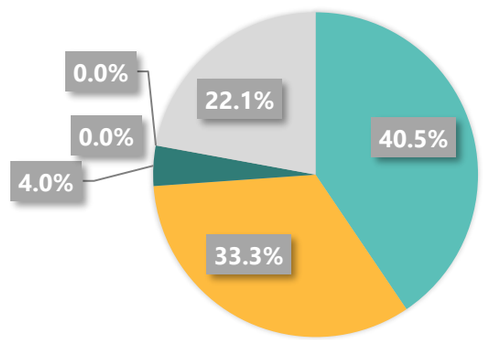


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



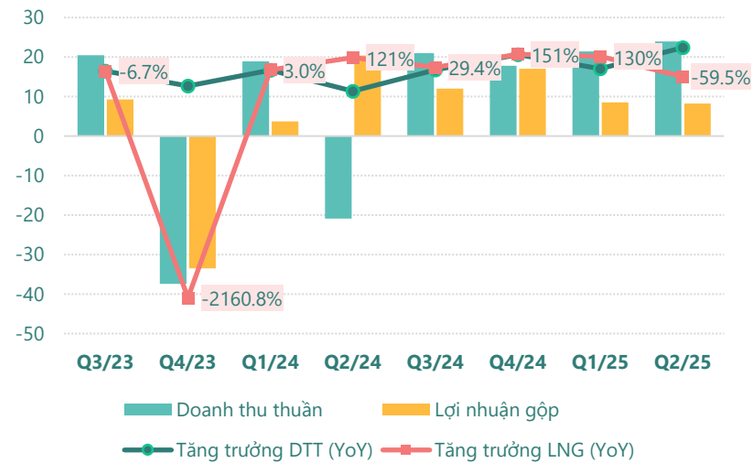
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

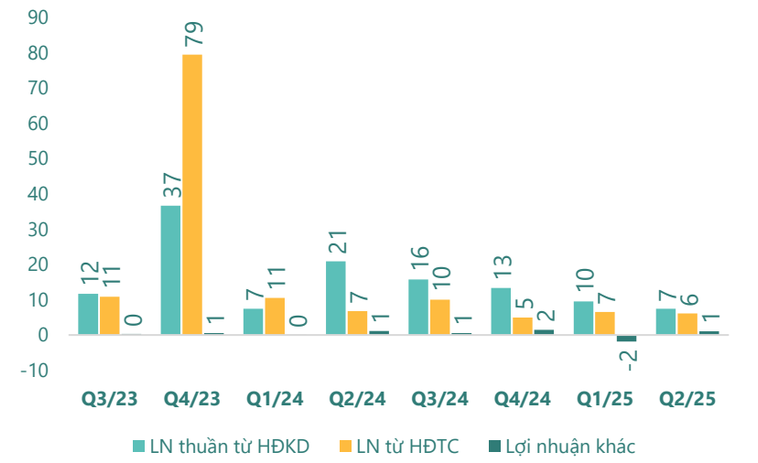
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



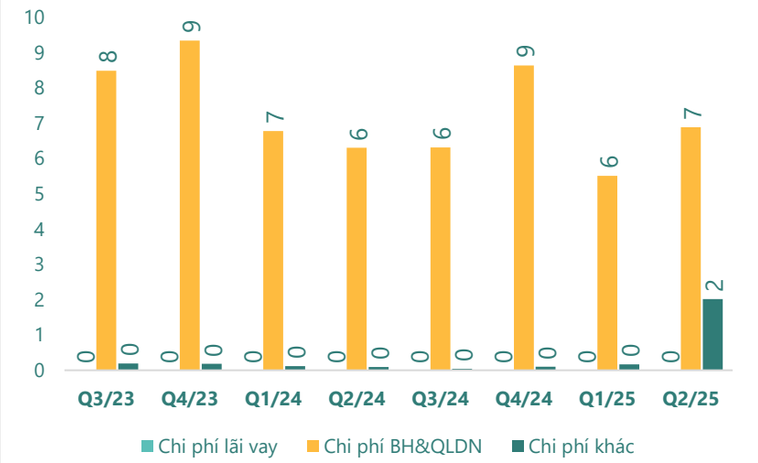
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



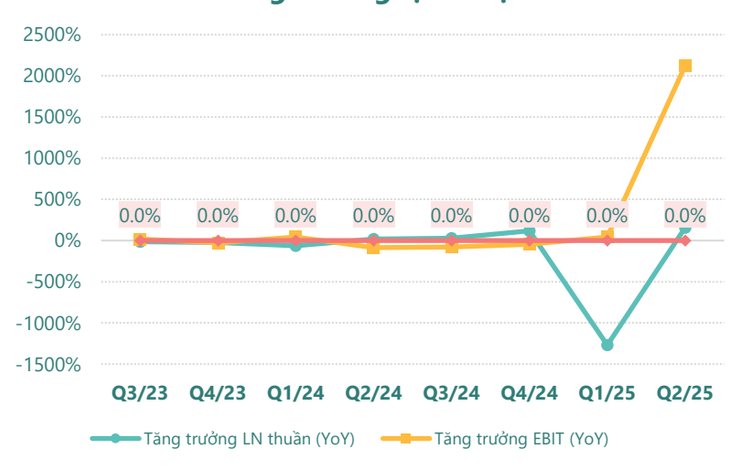
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



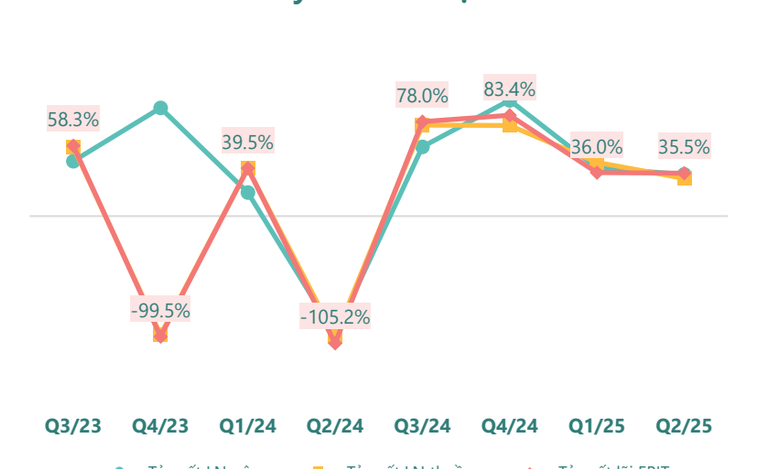
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



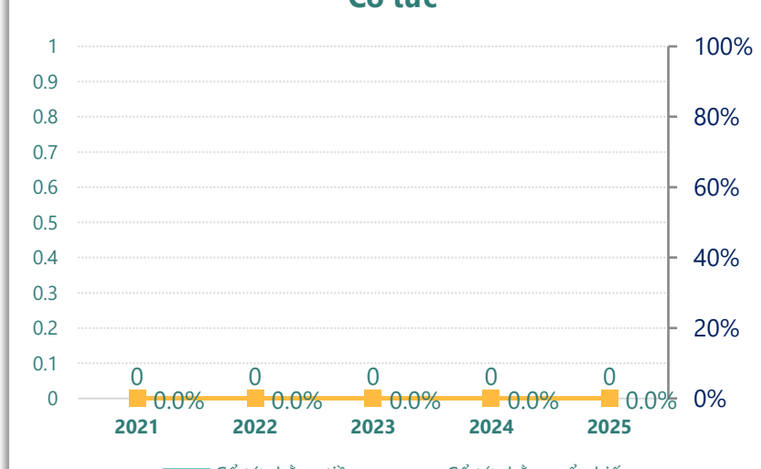
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

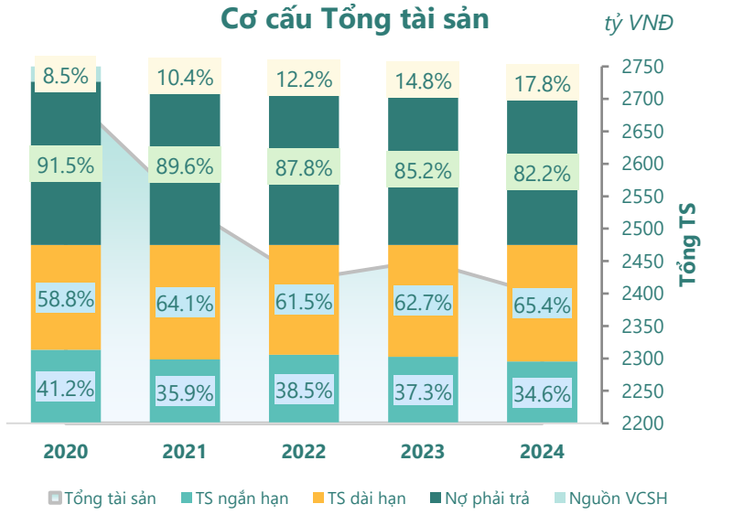
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

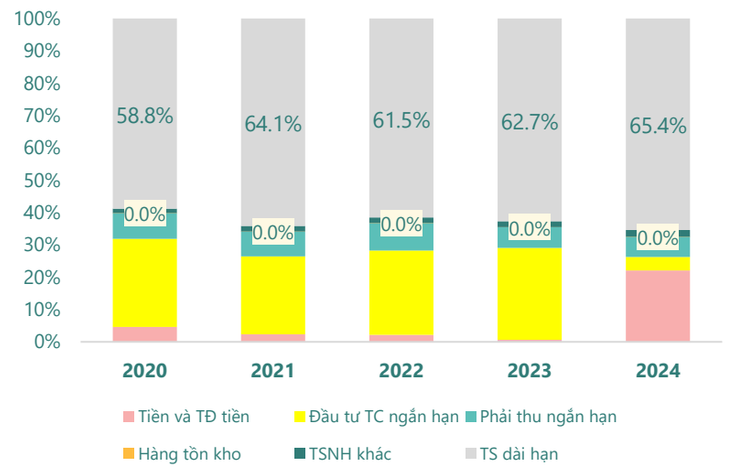
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



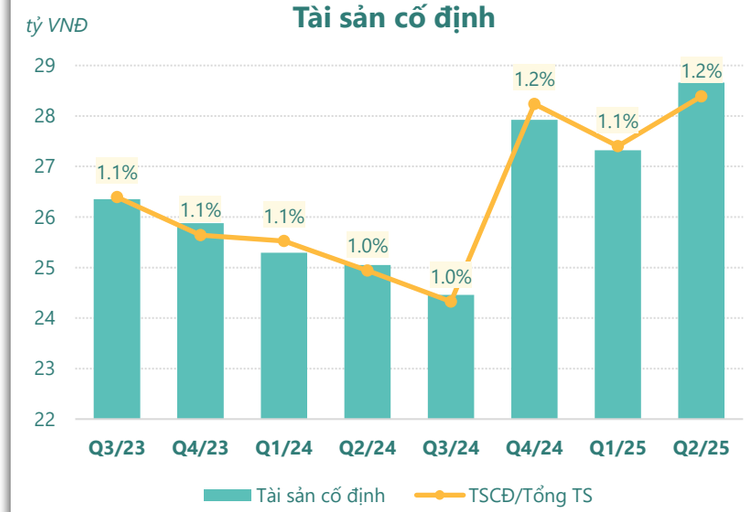
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



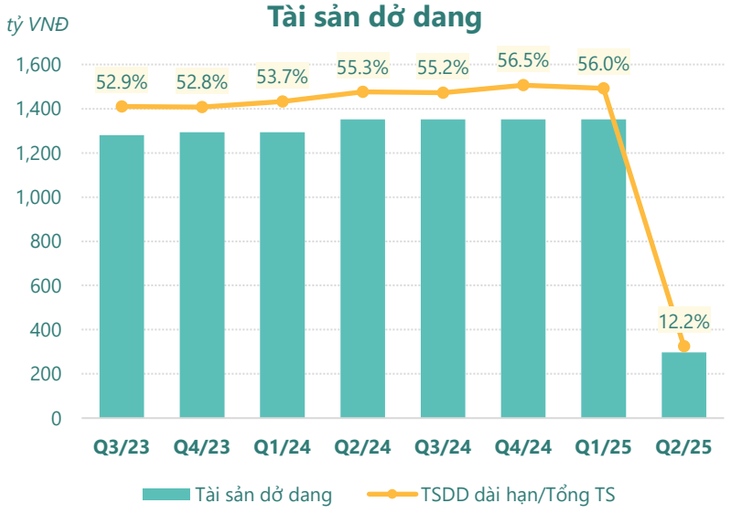
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



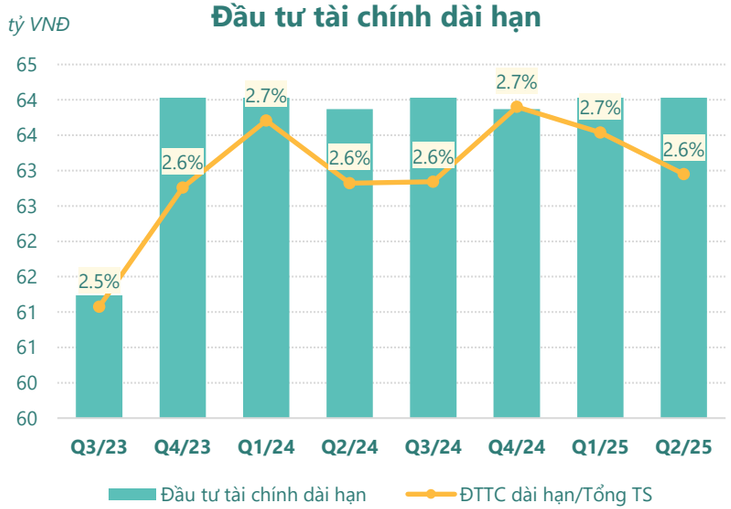
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



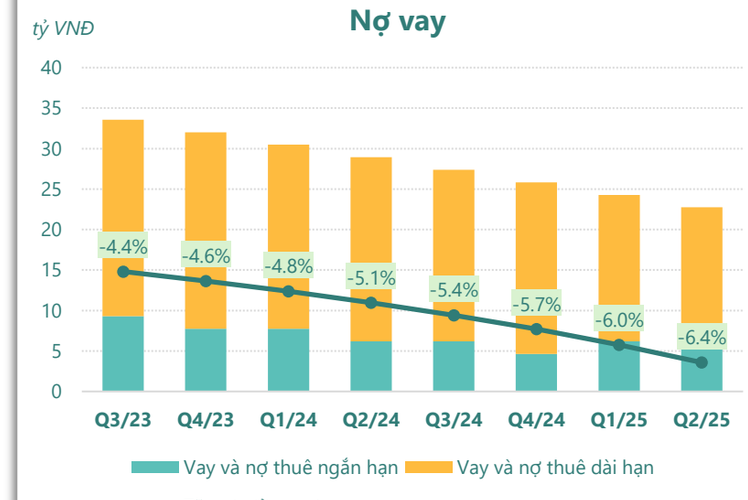
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

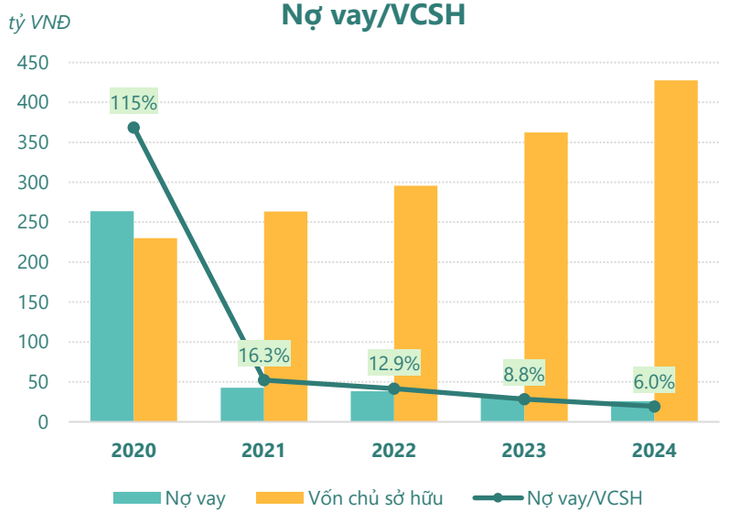
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

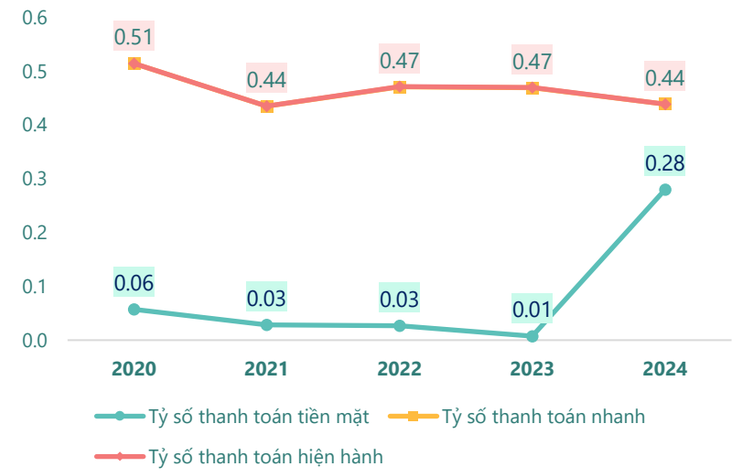
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



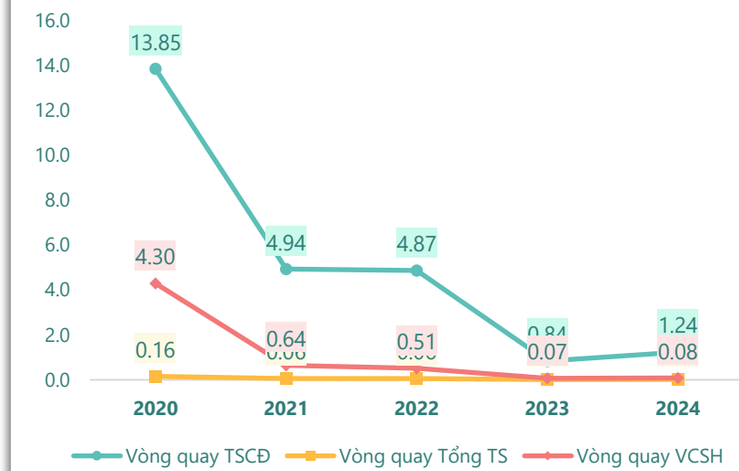
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



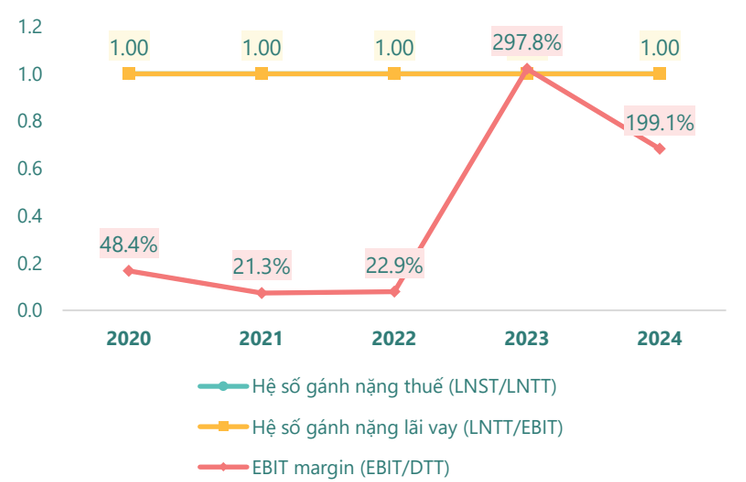
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



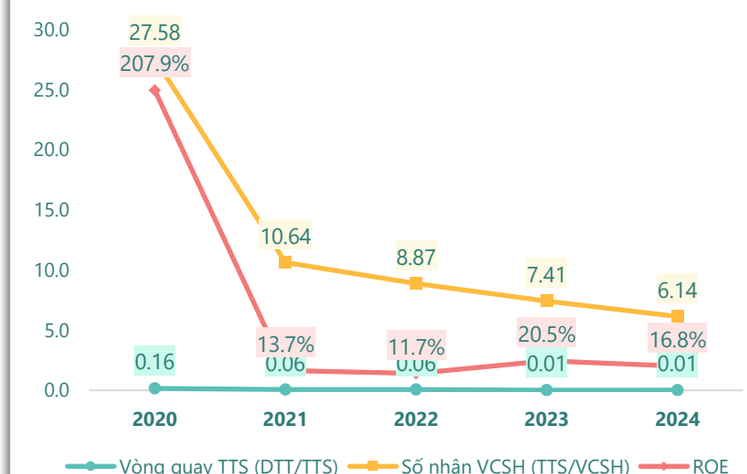
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



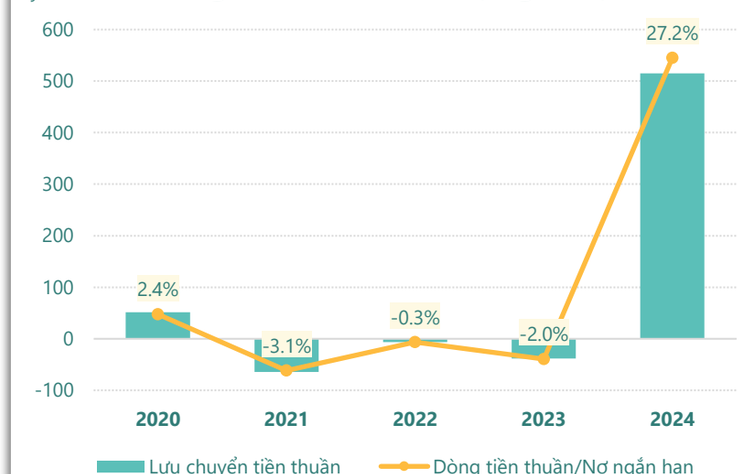
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**23.9**	**-20.9**	**214%**	**45.4**	**-1.97**	**2406%**
Giá vốn hàng bán	15.7	-41.3	138%	28.6	-26.1	210%
Lợi nhuận gộp	8.26	20.4	-59.5%	16.8	24.1	-30.3%
Doanh thu HĐTC	6.08	6.94	-12.4%	12.6	17.5	-28.0%
Chi phí TC	0	0.16	-100%	0	0.16	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.05	0.43	144%	2.08	1.43	45.5%
Chi phí QLDN	**5.83**	**5.87**	**-0.6%**	**10.3**	**11.7**	**-11.5%**
LN thuần từ HĐKD	7.45	20.9	-64.4%	17.0	28.3	-40.0%
Lợi nhuận khác	**1.06**	**1.11**	**-4.6%**	**-0.76**	**1.14**	**-167%**
LN trước thuế	8.50	22.0	-61.3%	16.2	29.5	-44.9%
Lợi nhuận sau thuế	**6.80**	**22.0**	**-69.1%**	**13.0**	**29.5**	**-55.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.80**	**22.0**	**-69.1%**	**13.0**	**29.5**	**-55.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-60.8	4.62	-30.4	-14.5	6.85	15.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	61.9	0	26.4	14.4	-0.69	-10.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.55	0	-3.10	-1.55	-1.73	-1.73
Tiền đầu kỳ	14.5	14.0	18.6	11.6	10.1	14.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.47**	**4.62**	**-7.00**	**-1.57**	**4.43**	**2.84**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	14.0	18.6	11.6	10.1	14.5	17.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,442**	**2,398**	**1.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,929	829	133%
Tiền và tương đương tiền	555	530	4.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	92.3	100	-8.0%
Phải thu ngắn hạn	179	150	19.0%
Hàng tồn kho	1,058	0.23	469433%
Tài sản ngắn hạn khác	44.8	49.3	-9.1%
Tài sản dài hạn	**513**	**1,569**	**-67.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	28.7	27.9	2.6%
Bất động sản đầu tư	122	125	-2.3%
Tài sản dở dang	298	1,351	-78.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	64.0	64.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.31**	**-97.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,001	1,970	1.6%
Nợ ngắn hạn	**1,926**	**1,891**	**1.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.19	6.19	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.72	4.33	-14.0%
Nợ dài hạn	75.8	79.7	-4.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.5	19.6	-15.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**440**	**428**	**2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**440**	**428**	**2.9%**
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)